TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/DS-ST
Ngày: 10/4/2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đoạt;

Ông Nguyễn Văn Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Phương Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ trụ sở: Số D P, phường R, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Hồng M1 - Chức vụ: Quyền Tổng giám đốc (Theo Quyết định ủy quyền số 187/QĐ-CT.HĐQT ngày 21/8/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Hồng M1: Ông Trần Vũ N - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ (Theo Quyết định số 2376/QĐ-NHKL ngày 28/8/2025).

Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng tại Toà: Ông Hà Hoàn H - Chuyên viên chính Xử lý nợ khu vực - Trung tâm xử lý nợ (Theo Giấy uỷ quyền số 474/UQ-NHKL ngày 10/9/2025) - (Có mặt).

- *Bị đơn:*

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1974 (Có đơn xin vắng mặt);

Bà Thị P, sinh năm: 1979 (Đã chết ngày 12/11/2016);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà P:

Ông Danh U, sinh năm: 1950 (Có đơn xin vắng mặt);

Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1974 (Có đơn xin vắng mặt);

Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 2000 (Có mặt);

Nguyễn Văn T, sinh năm 2004 (Có đơn xin vắng mặt);

Nguyễn Thị Phương T1, sinh năm: 2013 (Có đơn xin vắng mặt);

Nguyễn Thị Phương T2, sinh năm: 2013 (Có đơn xin vắng mặt);

Người đại diện của T1, T2: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1974 (Có đơn xin vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Tổ C ấp T, xã M, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K do anh Hà Hoàn H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn H1 và bà Thị P có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) vay số tiền 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng)* theo Hợp đồng tín dụng số HD7509/HĐTD ngày 23/10/2009 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 12.000.000đ *(Mười hai triệu đồng);*

- Mục đích sử dụng tiền vay: Mua sắm đồ dùng gia đình;

- Phương thức cho vay: Cho vay từng lần;

- Thời hạn vay: 12 tháng, tính từ ngày ông H1, bà P nhận nợ lần đầu;

- Lãi suất vay: Được điều chỉnh 03 tháng một lần:

+ Kể từ ngày 23/10/2009 đến ngày 23/01/2010 lãi suất cho vay là 1,3% tháng (30 ngày);

+ Kể từ 24/01/2010 trở đi, lãi suất cho vay được tính bằng lãi suất tiền gửi VNĐ của kỳ hạn 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ tại Ngân hàng TMCP K tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng thêm 0,45%.

+ Lãi suất nợ quá hạn là: 150% (gấp 1,5 lần) lãi suất cho vay ngay thời điểm nợ quá hạn.

Hợp đồng tín dụng nêu trên được bảo đảm bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với ông Nguyễn Văn H1, bà Thị P và đã được chứng nhận tại Văn phòng UBND thị trấn S ngày 26/10/2009, tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay gồm:

TSBĐ: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AK642490; số vào số SS00012/144/QĐ-UB do UBND huyện H cấp ngày 15/11/2008; thửa đất số 161-d; tờ bản đồ số 1; diện tích 156m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất CLNK, thời hạn sử dụng: lâu dài và tháng 01/2058; địa chỉ thửa đất hiện nay: ấp T, xã M, tỉnh An Giang, tài sản do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên; tài sản gắn liền với đất: Theo hiện trạng thực tế.

Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G ngày 26/10/2009.

Trong quá trình vay vốn, ông Nguyễn Văn H1 và bà Thị P liên tục vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng khi đến hạn, Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở nhưng ông Nguyễn Văn H1 và bà Thị P không có thiện chí hợp tác thanh toán nợ cho Ngân hàng và hiện tại hợp đồng đã quá hạn thanh toán, nhưng ông Nguyễn Văn H1 và bà Thị P vẫn chưa thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tạm tính đến ngày 10/4/2026, Nguyễn Văn H1 và bà Thị P còn nợ Ngân hàng tổng số tiền cụ thể là: Vốn gốc: 12.000.000 đồng; Lãi trong hạn: 2.068.400 đồng; Lãi chậm trả: 11.851.499 đồng; Lãi quá hạn: 50.796.000 đồng. Tổng cộng: 76.715.899 đồng.

Nay Ngân hàng có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án yêu cầu xem xét, giải quyết các nội dung sau:

1. Yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, (bà Thị P đã chết), nên yêu cầu người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng gồm ông Danh U, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 10/4/2026 là 76.715.899 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/4/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi thanh toán dứt nợ.

2. Trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và sau khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đồng đủ số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm

quyền phát mãi thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009, tài sản bảo đảm gồm:

TSBĐ: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AK642490; số vào số SS00012/144/QĐ-UB do UBND huyện H cấp ngày 15/11/2008; thửa đất số 161-d; tờ bản đồ số 1; diện tích 156m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất CLNK, thời hạn sử dụng: lâu dài và tháng 01/2058; địa chỉ thửa đất hiện nay: ấp T, xã M, tỉnh An Giang, tài sản do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên; tài sản gắn liền với đất: Theo hiện trạng thực tế.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H1:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho ông H1, nhưng ông H1 đều vắng mặt, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H1 đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thị P là chị Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Chị thừa nhận cha mẹ chị có vay của Ngân hàng TMCP K - Phòng giao dịch H số tiền gốc là 12.000.000 đồng và thế chấp tài sản như Ngân hàng trình bày. Tính đến ngày 10/4/2025, cha mẹ chị còn nợ Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 76.715.899 đồng. Hiện nay, gia đình khó khăn được chính quyền địa phương cấp hộ nghèo, cha sức khoẻ không đảm bảo, nhưng vẫn cố đi làm để lo cho em gái bị bệnh, mẹ chết năm 2016. Do đó, đề nghị Ngân hàng có thể giảm sâu về số tiền lãi, còn số tiền vay gốc thì xin Ngân hàng tạo điều kiện trả chậm hàng tháng, mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, tuỳ theo khả năng của mỗi tháng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T3 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 10/4/2026 64.864.400 đồng và tiền lãi phát sinh trên hợp đồng tín dụng đã ký kết từ ngày 11/4/2026 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số lãi chậm trả 11.851.499 đồng.

Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K và sau khi Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đồng

đủ số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến khi nghị án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về hướng đề nghị giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 phải trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay gốc, lãi tính đến ngày xét xử là 64.864.400 đồng và lãi phát sinh từ ngày 11/4/2026 theo mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng số HD7509/HĐTD ngày 23/10/2009 cho đến khi thanh toán xong nợ Ngân hàng.

Trường hợp Bản án có hiệu lực pháp luật mà ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đồng đủ số tiền còn nợ, thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng TMCP K yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 phải trả số tiền gốc, lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã được hai bên ký kết. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 có nơi cư trú hiện nay tại ấp T, xã M, tỉnh An Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực

4 - An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn H1, đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thị P cùng ông Danh U, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[3] *Về nội dung vụ án:*

[3.1] Ngân hàng TMCP K yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2026 là 64.864.400 đồng (Trong đó, nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.068.400 đồng, lãi quá hạn 50.796.000 đồng) và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/4/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toan dứt nợ cho Ngân hàng.

Xét yêu cầu này của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào ngày 23/10/2009, vợ chồng ông H1, bà P có đến Ngân hàng TMCP K - Phòng G vay số tiền 12.000.000 đồng và dùng tài sản là quyền sử dụng đất do ông H1 đứng tên để thế chấp. Giữa hai bên có ký kết hợp đồng tín dụng số HD7509/HĐTD ngày 23/10/2009, mục đích mua sắm đồ dùng gia đình, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (23/10/2009). Sau khi nhận tiền vay, vợ chồng ông H1 không trả cho Ngân hàng, còn lại dư nợ gốc 12.000.000 đồng và tiền lãi không trả cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần. Vì vậy, vợ chồng ông H1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thị P là ông Danh U, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2026 là 64.864.400 đồng và tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc từ ngày 11/4/2026 theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số lãi chậm trả 11.851.499 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, nên Hội đồng xét xử

đình chỉ một yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.3 Đối với trường hợp, ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không trả hoặc trả không dứt nợ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 được ký kết giữa đại diện Ngân hàng với vợ chồng ông H1 đã được được công chứng tại Ủy ban nhân dân thị trấn S ngày 26/10/2009 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Hội đồng xét xử xét thấy, khi vợ chồng ông H1 vay tiền của Ngân hàng thì có dùng tài sản là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AK642490; số vào số SS00012/144/QĐ-UB do UBND huyện H cấp ngày 15/11/2008; thửa đất số 161-d; tờ bản đồ số 1; diện tích 156m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất CLNK, thời hạn sử dụng: lâu dài và tháng 01/2058; địa chỉ thửa đất hiện nay: ấp T, xã M, tỉnh An Giang, tài sản do ông Nguyễn Văn H1 đứng tên để thế chấp cho Ngân hàng. Giữa vợ chồng ông H1 với đại diện Ngân hàng có xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 và đã được công chứng tại UBND thị trấn S ngày 26/10/2009. Do đó, khi ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không dứt nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ là phù hợp.

[3.4] Đối với yêu cầu của chị L về việc xin Ngân hàng cho gia đình ông H1 khoản tiền lãi vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn, không có điều kiện trả và xin trả dần mỗi tháng từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng, tuỳ theo khả năng của mỗi tháng. Tuy nhiên, việc này không được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng đồng ý và yêu cầu phải có nghĩa vụ trả số nợ theo quy đinh. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T4 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của chị L. Tuy nhiên, nếu gia đình ông H1 thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà, chấp nhận yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng điểm đ Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do gia đình ông Nguyễn Văn H1 là hộ nghèo, nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP K.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 186, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 của Quốc hội 12.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

2. Buộc ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền gốc và lãi tính đến ngày 10/4/2026 là 64.864.400đ *(Sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi tư nghìn bốn trăm đồng)*. Trong đó, nợ gốc 12.000.000 đồng, lãi trong hạn 2.068.400 đồng, lãi quá hạn 50.796.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong nợ, ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo

Hợp đồng tín dụng số HD7509/HĐTD ngày 23/10/2009 cho đến khi thanh toán xong nợ Ngân hàng TMCP K.

3. Ngân hàng TMCP K có trách nhiệm giải chấp cho ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK642490; số vào số SS00012/144/QĐ-UB do UBND huyện H cấp ngày 15/11/2008; thửa đất số 161-d; tờ bản đồ số 1; diện tích 156m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất CLNK, thời hạn sử dụng: lâu dài và tháng 01/2058; địa chỉ thửa đất hiện nay: ấp T, xã M, tỉnh An Giang; đứng tên ông Nguyễn Văn H1 đã thế chấp tại Ngân hàng ngay sau khi tất toán toàn bộ nợ vay của Hợp đồng tín dụng trong thời hạn cam kết.

Trường hợp ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T2 không thanh toán số tiền còn thiếu nợ cho Ngân hàng, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AK642490; số vào số SS00012/144/QĐ-UB do UBND huyện H cấp ngày 15/11/2008; thửa đất số 161-d; tờ bản đồ số 1; diện tích 156m^2, mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn và đất CLNK, thời hạn sử dụng: lâu dài và tháng 01/2058; địa chỉ thửa đất hiện nay: ấp T, xã M, tỉnh An Giang; đứng tên ông Nguyễn Văn H1 theo hợp đồng thế chấp số HD7509/HĐTC ngày 23/10/2009 và đã được công chứng tại UBND thị trấn S ngày 26/10/2009.

4. Đình chỉ một phần khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K1 về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn H1, ông Danh U, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Phương T1, Nguyễn Thị Phương T3 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền lãi chậm trả là 11.851.499đ *(Mười một triệu tám trăm năm mươi mốt nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).*

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do gia đình ông Nguyễn Văn H1 là hộ nghèo, nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2026/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.860.000đ *(Một triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 300935 ngày 03 tháng 02 năm 2026 củaThi hành án dân sự tỉnh An Giang.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (10/4/2026); Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì được quyền kháng cáo Bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 4 - An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Nguyễn Thanh H2